

CÔNG TY CỔ PHẦN 1285

Số: 0405/CTY-1285

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên , ngày 04 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ giấy chứng nhận số 01/GCN-SXD ngày 19/1/2026 của Sở xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty cổ phần 1285;

Công ty cổ phần 1285 công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

1. Thông tin tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng công bố năng lực

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần 1285
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1000807691 do Sở Tài chính cấp lần đầu ngày 25/11/2010, thay đổi lần thứ 14 ngày 11/11/2025
- Địa chỉ: Lô 01, LK5, Khu nhà ở thương mại phường Trần Lãm, đường Lý Thường Kiệt, tổ 3, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên.
- Điện thoại: 0982826823. Fax: 02273745222
- Địa chỉ hòm thư điện tử: las1285.ccqc@gmail.com.vn
- Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình
- Địa chỉ đặt PTN: Thôn La Điền, xã Tân Thuận, tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ trạm thí nghiệm hiện trường:



+ Khu tái định cư, phố Ưông Sĩ Diễn, tổ dân phố Ngoại Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên

+ Xóm 11, thôn Viên Ngoại, xã Nam Tiền Hải, tỉnh Hưng Yên

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm: Theo Phụ lục đính kèm;

- Máy móc, thiết bị để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm: Theo Phụ lục đính kèm;

- Thí nghiệm viên để thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm đã công bố: Theo Phụ lục đính kèm

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm mã số LAS-XD HUY.005)

Công ty cổ phần 1285 chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên;
- Lưu: VT



CÔNG TY CỔ PHẦN 1285

TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Huy Quang



Phụ lục

DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT TƯƠNG ỨNG ĐỂ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; MÁY MÓC, THIẾT BỊ ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM; THÍ NGHIỆM VIÊN ĐỂ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM ĐÃ CÔNG BỐ

(Kèm theo công bố số 0405/CTY-1285 ngày 04/05/2026 của Công ty cổ phần 1285)

STT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên thực hiện
I	Thử nghiệm cơ lý xi măng			
1	Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009	Dụng cụ bao ni lông, ống đóng hình trụ, bat , xẻng xúc.	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
2	Xác định độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C430:17; AASHTO T192:19	Sàng 0.045mm, cân kỹ thuật (0.01g), tủ sấy, bình tỷ trọng, khay nhôm	
3	Xác định cường độ uốn và cường độ nén	TCVN 6016:2011; ASTM C348:02; AASHTO T106:04	Sàng; máy trộn; khuôn; máy dẫn; máy thử độ bền uốn, nén; Máy nén vữa; bộ gá nén, uốn; tủ dưỡng hồ nhiệt ẩm	
4	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; ASTM C187:98, C191:04, C451:04; AASHTO T131:06	Bộ dụng cụ Vica, máy khuấy vữa, đồng hồ bấm giây, ống đóng, cân kỹ thuật	
II	Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng			

5	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN 3105:2022; AASHTO T23:04; ASTM C31:24	Khuôn đúc mẫu 150x150x150mm, 150x300mm, bộ côn thử độ sụt + tám đế, thước lá kim loại dài 30cm, búa cao su, dao gạt mẫu dài 200mm	Lương Thanh Động Hà Xuân Dương Trần Hải Đăng Nguyễn Thanh Sơn Phạm Thị Kim Quy...
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; AASHTO T119:05; ASTM C143:03	Bộ côn thử độ sụt, thước lá, muôi súc, bay	
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108: 1993 (2022); ASTM C138:01; AASHTO T121:05	Thùng kim loại hình trụ 5 -15 lít, que đầm, thước lá, cân kỹ thuật	
8	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232:99; AASHTO T158:05	Khuôn lập phương 20x20x20cm, thước lá, sàng 5mm, tủ sấy, cân kỹ thuật	
9	Xác định khối lượng riêng của bê tông	TCVN 3112:2022; ASTM C127:15 AASHTO T19-04	Bình tỷ trọng, cân kỹ thuật, bếp đun, dầu hỏa, sàng 2mm	
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, khăn lau mẫu	
11	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	Máy mài mòn, cân kỹ thuật, thước kẹp, cát mài	
12	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022; ASTM C138:01	Cân kỹ thuật, cân thủy tinh, thước lá kim loại, bếp điện, tủ sấy	
13	Xác định độ chống thấm nước của bê tông – Phương pháp vết thấm	TCVN 3116:2022; ASTM C1585:04	Máy thử độ chống thấm, bàn chải, paraffin, tủ sấy, giá ép mẫu, khuôn đúc mẫu	
14	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022; ASTM C39:24; AASHTO T22:06	Máy thử nén, uốn, thước lá, khuôn lấy mẫu	

15	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; ASTM C293:16, C78:18; AASHTO T97:03	Máy thử nén, uốn, thước lá, bộ gối uốn	Lương Thanh Động Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
16	Xác định cường độ chịu kéo khi bẻ của bê tông	TCVN 3120:2022; TCVN 8862:2011; ASTM C496:17; AASHTO T198:15	Máy thử nén, uốn, gối truyền tải, đệm gỗ	
17	Xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi	TCVN 5726:2022; TCVN 9843:13; ASTM C469:17	Máy nén, biến dạng kế, thước lá kim loại	
18	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu của bê tông	TCVN12252:2020; ASHTO T24:05; ASTM C42:03	Thước thép, thước kẹp, máy khoan bê tông, dụng cụ lấy mẫu, búa đục, máy cắt mẫu, Máy nén SYE 2000kN(d=0,1kN)	
19	Lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô	TCVN 13150:2020	Bộ sàng, máy nén, thiết bị ép chế, cân kỹ thuật...	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
20	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888 :2014	Bộ máy uốn cọc, đồng hồ đo chuyển vị, thước, máy nén bê tông....	Đinh Văn Trường Trịnh Văn Hân
III Thử nghiệm cốt liệu bê tông và vữa				
21	Lấy mẫu, chế tạo và bảo dưỡng mẫu thử	TCVN7572-1:06; AASHTO T2:00; ASTM D75:03	Cân kỹ thuật (chính xác 1%); dụng cụ lấy mẫu	
22	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006; TCVN 9205:12; ASTM C136:19; AASHTO T27:06, T11:05	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay nhôm, bộ chia mẫu	

23	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, kính hiển vi, kính lúp, nam châm, dd hóa học
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127:15, C128:22; AASHTO T84:00, T85:91	Cân kỹ thuật, tủ sấy, côn thử độ sụt, que chọc, bình hút ẩm, bộ sàng, khăn thấm nước
25	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thước kẹp, tủ sấy, khăn thấm nước
26	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006; TCVN 10322:2014; AASHTO T19:04 ASTM C29:23;	Bộ sàng, thùng đóng, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước lá, thanh gạt mẫu
27	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; TCVN 10321:2014; ASTM C566:97; AASHTO T142:90, T255:04	Cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu
28	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C117:23, C142:23 AASHTO T112:04	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây
29	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40:20; AASHTO T21:05	Ổng đóng thủy tinh, cân kỹ thuật, sàng, dd hóa học, thang màu
30	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN7572-10:2006; ASTM C2938:02	Máy nén thủy lực, máy khoan, máy cắt đá, thước kẹp, thùng ngâm mẫu
31	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN7572-11:2006; AASHTO M6:03	Máy nén thủy lực, xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thùng ngâm mẫu

Lương Thanh Động
Trần Hải Đăng
Hà Xuân Dương
Nguyễn Thanh Sơn
Nguyễn Văn Nam
Phạm Thị Kim Quy
Ngô Văn Hải...

32	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy mài mòn va đập Los Angeles	TCVN7572-12:2006; ASTM C131:20; AASHTO T96:87	Máy Los angeles, bi thép, cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng	Nguyễn Thanh Sơn Đinh Văn Trường Trịnh Văn Hân
33	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN7572-13:2006; ASTM D4791:05	Cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, bộ sàng	
34	Xác định khả năng phản ứng kiềm- silic	TCVN7572-14:2006; TCVN 9205:2012; ASTM C227:03	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, cối, chày đồng, bộ sàng, hoá chất	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
35	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	Cân kỹ thuật, kính lúp, khay nhôm	
36	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, giấy nhám, đĩa thủy tinh	Nguyễn Thanh Sơn Đinh Văn Trường Trịnh Văn Hân
37	Xác định hàm lượng Clorua	TCVN 7572-15:2006 ASTM C1524:20	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, cối, chày đồng, bộ sàng, hoá chất	
38	Xác định hàm lượng Sunfat và Sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006	Cân kỹ thuật, tủ sấy, lò nung, cối, chày đồng, bộ sàng, hoá chất	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
39	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN7572-17:2006; AASHTO T112:00	Cân kỹ thuật, tủ sấy, bộ sàng, kim sắt, búa, khay nhôm	
40	Xác định đương lượng cát của đất dùng trong xây dựng đường bộ	TCVN14134-5:2024; ASTM D2419:22 AASHTO T176:02	Máy lắc, Hộp gỗ, ống trụ mica chia vạch, ống siphon, ống đồng D6mm, quả phao, thước lá	
IV	Thử nghiệm vữa xây dựng			
41	Xác định kích thước hạt lớn nhất của cốt liệu	TCVN 3121-1:2022	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay nhôm	

42	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437:99	Cán kỹ thuật, thước kẹp, bay chảo trộn, bàn dần, khâu hình côn	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
43	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cán kỹ thuật, bình đong bằng kim loại	
44	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cán kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tinh	
45	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Máy nén thủy lực, khuôn lấy mẫu, bộ gá nén, uốn	
46	Xác định hệ số hút nước do mao dẫn của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022; TCVN 9034:2011	Cán kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	
47	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-08:2022; ASTM C941:23	Đồng hồ bấm giây, giấy lọc, chảo, bay, thiết bị tạo chân không	
48	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022; ASTM C807:21	Khâu kim loại, kim đâm xuyên, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, tủ dưỡng hộ	
V	Thử nghiệm cơ lý đất trong phòng			Trần Hải Đăng Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Nguyễn Thanh Sơn Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
49	Lấy mẫu, bao gói vận chuyển và bảo quản	TCVN 2683:2012	Dùng dao, xẻng, ống nhựa	
50	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854:23; AASHTO T100:06	Cán kỹ thuật, bình tỷ trọng, bếp cát, dầu hỏa, bộ chày cối sứ	
51	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216:19; AASHTO T265:93	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình giữ ẩm	
52	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024; ASTM D4318:17; AASHTO T89:02	Bộ Casagrande, vaxiliep, sàng 1mm, cân kỹ thuật, hộp nhôm, tủ sấy, kính nhám	

53	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14134-3:2024; ASTM D422:02	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay nhôm	
54	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080:23; AASHTO T236:03	Máy cắt, bộ dao vòng tạo mẫu, bộ cối chày đầm chế bị mẫu, thiết bị gia tải, cân kỹ thuật chính xác 0.01g, dụng cụ ngâm mẫu bão hòa	Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...
55	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435:04; AASHTO T216:03	Máy nén tam liên, đồng hồ bấm giây	
56	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201: 2012; TCVN12790:2020; AASHTO T99, T180, D1557:12	Bộ chày cối đầm, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy, dao gọt đất	
57	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D2937:04 AASHTO T100:06	Dao vòng lấy mẫu, thước kẹp, cân kỹ thuật	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Trần Thị Thu...
58	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:2011 TCVN 12792:2020; ASTM D1883:99; AASHTO T193:17	Máy nén CBR, bộ chày và khuôn đầm, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Ngô Văn Hải...

59	Thí nghiệm nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:2011; ASTMD2850:24, D4767:02	Máy nén 3 trục, dao vòng, cối chà đầm chế bị mẫu, bộ dụng cụ xác định độ ẩm, cân kỹ thuật chính xác 0.01g	Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...
60	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; ASTM D2434:22	Bộ thiết bị xác định hệ số thấm, đồng hồ bấm giây, ống đong, cân kỹ thuật	
61	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012; ASTM D4647:20	Phao nổi chuyên dụng, bình thủy tinh, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, dao vòng lấy mẫu	
62	Xác định đặc trưng trương nở của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8719:2012; ASTM 4546:03	Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, dao gạt đất	
63	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012	Thiết bị đo góc nghỉ tự nhiên, thùng chứa nước, bộ sàng	
64	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8721:2012	Cối, búa rung, thước gạt, cân kỹ thuật	
65	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; ASTM D2974:20; AASHTO T267:22	Tủ sấy, bình hút ẩm, cân kỹ thuật, bộ sàng, bộ cối chà bằng sứ, ống đong, bình tam giác	
66	Cọc xi măng đất: Xác định sức kháng nén mẫu cọc xi măng đất	TCVN 9403:2012; ASTM D2166:24	Máy nén, kích đùn mẫu, bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...

67	Xác định sức kháng nén có nở hông	TCVN 9438:2012; ASTM D2166	Máy nén, kích đùn mẫu, bộ khuôn tạo mẫu, đồng hồ bấm giây, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...
68	Xác định độ co ngót của đất	TCVN 8720:12	Dao vòng lấy mẫu, thước kẹp, cân kỹ thuật, paraphin	
69	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:12	Máy nén lún 1 chiều, cối chày chế bị mẫu, cân kỹ thuật, tủ sấy	
70	Xác định mô đun đàn hồi vật liệu trong phòng	TCVN 9843:13	Máy nén, bộ chày cối đầm, cân kỹ thuật	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...
71	Xác định cường độ kéo khi ép chế của vật liệu	TCVN 8862:11	Máy nén, bộ chày cối đầm, cân kỹ thuật, thước lá, bộ gá mẫu	
VI	Thử nghiệm cơ lý cấp phối đá dăm			
72	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng	TCVN 8858:2023	Máy nén, khuôn đúc mẫu...	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
73	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường	TCVN 8859:2023	Cân kỹ thuật 30kg (5g), bộ sàng tiêu chuẩn; tủ sấy 300oC (± 1 oC), búa cao su, cọ quét, giá xúc mẫu, dụng cụ chia mẫu., cối chày...	
VII	Bê tông nhựa			
74	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927:22; AASHTO T245:97	Máy nén, bộ chày cối đầm tạo mẫu, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, nhiệt kế	
75	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172:24; AASHTO T164:06	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy, lò nung, cân kỹ thuật	

76	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp đốt	AASHTO T53:11	Cân kỹ thuật, khay, tủ sấy, lò nung
77	Xác định thành phần hạt	TCVN8860-3:2011; AASHTO T30:06; ASTM C136:06	Bộ sàng tiêu chuẩn, cân kỹ thuật, tủ sấy, khay đựng mẫu
78	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN8860-4:2011; AASHTO T209:23	Máy hút chân không, bộ bình đựng mẫu bằng thủy tinh, cân kỹ thuật, tủ sấy, khăn khô
79	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726:14; AASHTO T166:24	Bộ bàn cân thủy tinh, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau
80	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, bay chảo
81	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ổng đồng bằng thép, bộ giá đỡ, phễu, tấm kính, dao gạt, cân kỹ thuật
82	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN8860-8:2011; AASHTO T230:00	Bộ bàn cân thủy tinh, cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau
83	Xác định độ rỗng dư	TCVN8860-9:2011; AASHTO T269:03 ASTM D3203:17	Máy nén, bộ chày cối đầm tạo mẫu, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, bộ bàn cân thủy tinh, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau
84	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN8860-10:2011; AASHTO T269:03	Máy nén, bộ chày cối đầm tạo mẫu, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, bộ bàn cân thủy tinh, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau
85	Bê tông nhựa rỗng thoát nước - Thử nghiệm thấm nước	TCVN 11634-1:2017	Thiết bị đo độ thấm, cân kỹ thuật, thước kẹp, tủ sấy, nhiệt kế

Lương Mạnh Cường
Trần Hải Đăng
Hà Xuân Dương
Nguyễn Thanh Sơn
Nguyễn Văn Nam
Lương Thanh Động
Phạm Thị Kim Quy
Ngô Văn Hải...

86	Xác định tỷ trọng khối của bê tông nhựa ở trạng thái đầm chặt bằng phương pháp bọc sáp	AASHTO T275:17 ASTM D1188:15	Cân kỹ thuật, thước kẹp, nhiệt kế, sáp nền, hệ thống cân trong nước
87	Bê tông nhựa: Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017	Thùng đông, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, tủ sấy, cân kỹ thuật
88	Xác định hàm lượng vật liệu lọt sàng 0.075mm trong cốt liệu bằng phương pháp rửa	TCVN 14135-5:2024 AASHTO T11:05 ASTM C117:03	Cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, khay đựng mẫu
89	Xác định chiều dày màng nhựa	TCVN12759-1:2020 Phụ lục B	Chỉ tiêu tính toán
90	Nhựa đường thông thường: Xác định chỉ số độ kim lún (PI) của nhựa đường, Xác định độ chối của hỗn hợp bê tông nhựa chặt	TCVN 13567-1:2022; mục A.2 phụ lục A, phụ lục D	Bộ dụng cụ kim lún, nhiệt kế, đồng hồ, dụng cụ đầm tạo mẫu marshall, cân kỹ thuật
91	Cường độ chịu nén của bê tông nhựa	ASTMD1074-2017; AASHTO T167:10	Khuôn đầm tạo mẫu, máy nén thủy lực
92	Thiết kế hỗn hợp bê tông nhựa	TCVN 8820:2011	Đầm tay, máy nén marshall, khuôn đúc mẫu, thước kẹp, nhiệt kế, cân, tủ sấy
93	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11	Máy nén, bộ chày cối đầm tạo mẫu, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, bộ bàn cân thủy tĩnh, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau
94	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11	Máy nén, bộ chày cối đầm tạo mẫu, bể ổn nhiệt, cân kỹ thuật, nhiệt kế, bộ bàn cân thủy tĩnh, thước kẹp, nhiệt kế, khăn lau

Lương Mạnh Cường
Trần Hải Đăng
Hà Xuân Dương
Nguyễn Thanh Sơn
Nguyễn Văn Nam
Lương Thanh Động
Phạm Thị Kim Quy
Ngô Văn Hải...

VIII	Nhựa bitum			
95	Phương pháp xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; ASTM D5:13; AASHTO T49:19	Thiết bị độ kim lún, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế, bể ổn nhiệt	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
96	Phương pháp xác định độ dẫn dài	TCVN7496:2005; AASHTO T51:18 ASTM D113:17	Thiết bị xác định độ kéo dài, nhiệt kế, bể ổn nhiệt	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
97	Phương pháp xác định điểm hóa mềm	TCVN7497:2005; AASHTO T53:11 ASTM D36:14	Thiết bị xác định điểm hóa mềm, dung dịch hóa học	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
98	Xác định nhiệt độ bắt lửa, điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN7498:2005; AASHTO T48:96 ASTM D92:02	Thiết bị cốc hồ Cleveland, nhiệt kế	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động

99	Phương pháp xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; TCVN 11710:2017; TCVN 11711:2017 AASHTO T47:96 ASTM D6:24	Bộ dụng cụ xác định tổn thất khi gia nhiệt, nhiệt kế, tủ sấy	Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
100	Phương pháp xác định khối lượng riêng	TCVN7501:2005; AASHTO T228:22 ASTM D70:21	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, tủ sấy	
101	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005; ASTM D3625:24	Bình thủy tinh, nhiệt kế, bếp đun, dây buộc, đồng hồ bấm giờ	
102	Chỉ số độ kim lún (PI)	Mục A.2 TCVN 13567-1:2022	Bộ dụng cụ kim lún, nhiệt kế, đồng hồ	
103	Nhựa đường Polyme: Xác định độ đàn hồi	TCVN11194:2017; ASTMD6084:18 AASHTO T301:99	Khuôn mẫu bằng đồng, dao gọt, kéo, tủ sấy, cốc, bể ổn nhiệt	
IX	Thử nghiệm nhũ tương nhựa đường axit			
104	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN8817-3:2011; AASHTO T59	Bình lưu mẫu, pi pét, cân, cốc, đĩa khuấy, tủ sấy	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
105	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011; ASTM D6933:13	Sàng, khay kim loại, nhiệt kế, tủ sấy, cân, bình hút ẩm, nước cất	
106	Xác định khối lượng thể tích	TCVN8817-14:2011; ASTM D6937:16	Bình đong tiêu chuẩn, cân, bể ổn nhiệt	
107	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, chảo, ống đong, dao trộn, sàng tiêu chuẩn	
108	Xác định khả năng thấm bám của nhũ tương	TCCS 27:2019/TCĐBVN	Ống thí nghiệm, cát chuẩn, cân, tủ sấy, tấm gỗ, đồng hồ, thước đo	
X	Nhựa đường lỏng			

109	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011; ASTM D3143:19 AASHTO T79:96	Bộ thiết bị cốc hồ, nhiệt kế, chất lỏng gia nhiệt	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
XI	Bột khoáng cho bê tông nhựa			
110	Xác định tỷ lệ thành phần hạt; độ ẩm; hệ số thích nước, độ trương nở	TCVN 12884-2:2020; TCVN 7572-8:06 AASHTO T255:04; T27:06	Bộ sàng, cân kỹ thuật, bộ chày cối sứ, bình hút ẩm, tủ sấy, hộp ẩm	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
111	Xác định khối lượng riêng	TCVN 8735:12	Cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, bình hút ẩm	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
112	Xác định chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 4197:12	Kính nhám, casagrande, hộp ẩm, cân kỹ thuật, tủ sấy	
XII	Kiểm tra thép, kim loại, mối hàn			
113	Thử kéo, nén, uốn, uốn lại kim loại	TCVN 197-1:2014; TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997; TCVN 7937-1:2013 ASTM A370:97	Máy nén thủy lực, bộ gối uốn, thước lá, cân kỹ thuật, giấy nhám	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam

114	Thử kéo bu lông	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2014; ASTM A370:97	Máy nén thủy lực, bộ gá kéo uốn, thước lá, cân kỹ thuật	Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
115	Kiểm tra vật liệu kim loại-ống	TCVN 1830:08; TCVN 1832:08	Máy kéo, cân kỹ thuật, thước lá, thước đo sâu, kính lúp, máy đo chiều dày lớp phủ, khung gá hệ thống nêo, đồng hồ biến dạng, đế từ gá đồng hồ biên dạng, kích thủy lực có gắn đồng hồ áp suất....	
116	Thử kéo bu lông, thép cường độ cao	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2002	Máy kéo, bộ ngàm kéo bu lông, thước lá, thước kẹp...	
117	Xác định chiều dày lớp phủ mạ kẽm, chiều dày lớp phủ, lớp sơn	TCVN 5408:2007; TCVN 5878:2007; ISO 2178:1982 TCVN 2095:1993; ASTM A370:97	Máy đo chiều dày lớp phủ	Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam
118	Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 314:2008; TCVN 197-1:2014; ASTM A53:02, A370:97, E8:04	Máy nén thủy lực, thước lá, thước kẹp, cân kỹ thuật	Lương Mạnh Cường Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Động Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
119	Thử kéo thép thanh dự ứng lực	TCVN 11243:2016; TCVN 7937:2013; TCVN 6284:1997	Máy nén thủy lực, thước lá, thước kẹp, cân kỹ thuật	
120	Thử cốt thép bê tông – mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:2009	Máy nén thủy lực, thước lá, thước kẹp, cân kỹ thuật, giấy nhám	
XIII	Thử nghiệm tại hiện trường			

121	Phương pháp không phá hủy sử dụng súng bật nảy	TCVN 9334:2012; ASTMC805:02, C1583:20	Súng bật nảy	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Đông Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
122	Đo điện trở tiếp đất	TCVN 9385:2012	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
123	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp xung siêu âm truyền qua ống	TCVN 9396:2012; ASTM D6760:02	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Lê Tiến Bình Nguyễn Thị Dung Nguyễn Mạnh Cường Nguyễn Văn Nam
124	Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	TCVN11321:2016; ASTM D4945	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Thanh Đông Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
125	Thí nghiệm CBR - Ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429:03	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
126	Xác định độ lún công trình dân dụng và công nghiệp bằng phương pháp cao độ hình học	TCVN 9360:2012	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Nguyễn Văn Vương
127	Đo áp lực nước lỗ rỗng	TCVN 8869:2011 AASHTO T252:00	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	

128	Quan trắc chuyển dịch ngang bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9399:2012	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Đinh Văn Thuận Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
129	Xác định độ ẩm của đất, khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012; TCVN 8729:2012; ASTM D1556:15	Bộ dao đai, rót cát, hộp ẩm, cân kỹ thuật	
130	Đo dung trọng, độ ẩm, độ chặt của đất bằng PP dao đai	TCVN 8729:2012; TCVN12791:2020; 22 TCN 02:1971; ASTM D2937:24	Bộ dao đai, hộp ẩm, cân kỹ thuật	
131	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng PP phễu rót cát	TCVN 8729:2012 AASHTO T191 22 TCN 346:06	Bộ phễu rót cát, hộp ẩm, cân kỹ thuật	
132	Xác định độ chặt của đất và đá tại hiện trường bằng phương pháp rót cát	ASTM D4914:16	Bộ khung bằng kim loại tiêu chuẩn, cân, tủ sấy, cát tiêu chuẩn, sàng, xẻng, đục, túi nilon	
133	Xác định độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030:04	Bộ khung bằng kim loại tiêu chuẩn, nước sạch, cân, nhiệt kế, xẻng, đục	
134	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3,0 mét - Mặt đường ô tô	TCVN 8864:2011; ASTM E1082:02	Bộ thước dài 3m	
135	Xác định mô đun đàn hồi theo đo vồng đàn hồi dưới bánh xe bằng cân Benkelman - Áo đường mềm	TCVN 8867:2011; ASTM D4729:04	Bộ cân benkelman, xe chất tải	
136	Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng - Áo đường mềm	TCVN 8861:2011; ASTM D4395:04	Bộ tấm ép cứng, xe chất tải	

137	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - thử nghiệm - Mặt đường ô tô	TCVN 8866:2011; ASTM E965; AASHTO T278:99	Bộ thí nghiệm rắc cát, thước lá	
138	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	TCVN 8725:2012; ASTM D2573	Bộ thí nghiệm cắt cánh hiện trường	Nguyễn Thị Dung Trần Thị Thu Phạm Thị Kim Quy...
139	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586:99	Bộ thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn hiện trường	
140	Phương pháp thử nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục - Cọc	TCVN 9393:2012; ASTM D3689:22	Hệ gia tải phản lực và hệ đo đặc quan trắc	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
141	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan	TCVN 8371:2012	Thiết bị khoan đất và hệ thống cấp nước, đồng hồ bấm giờ, thước đo	Nguyễn Văn Vương
142	Xác định độ thấm nước của đá bằng pp thí nghiệm ép nước vào hố khoan	TCVN 9149:2012	Máy bơm, dụng cụ đo lưu lượng và áp lực nước	Nguyễn Văn Vương
143	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tám nén phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395:04	Tám nén, các thiết bị chất tải, neo giữ, đo biến dạng	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
144	Quan trắc chuyển vị nghiêng bằng phương pháp trắc địa	TCVN 9400:12	Bộ thiết bị đo chuyên dụng	Đinh Văn Thuận
XIV	Vật liệu Bentonite			

145	Thử nghiệm vật liệu Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, độ ổn định, lượng tách nước	TCVN 11893:2017; TCVN 9395 :2012 ASTM D4380:20; ASTM D6910:04; ASTM D5891:21; ASTM D4972:01	Bộ dụng cụ cân tỷ trọng; bộ phễu đo độ nhớt, đồng hồ bấm giờ, nhiệt kế, ống đong có vạch chia; bộ xác định hàm lượng cát; thiết bị đo PH.....	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
146	Xác định độ ẩm	ASTM D2216	Cân kỹ thuật, khay nhôm, tủ sấy	
XV	Thí nghiệm nước xây dựng			
147	Xác định vẩn dầu mỡ và màu nước	TCVN 4506 :2012	Quan sát bằng mắt thường	
148	Xác định lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 6186 :1996 ; ISO 8467 :1993	Nồi cách thủy, ống nghiệm, bình đong, hoá chất, Buret dung tích 10ml, pipet...	
149	Xác định độ PH	TCVN6492 :2011 ; AASHTO T26:04 ; ISO10523:2008	Nhiệt kế, máy khuấy, điện cực thủy tinh và điện cực so sánh, cảm biến nhiệt độ, bình mẫu	
150	Xác định hàm lượng cặn không tan; hàm lượng muối hoà tan	TCVN4560:1988 ; AASHTO T26:04	Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, bát chén sứ, phễu lọc, giấy lọc, cối chày sứ, bộ sàng, cân kỹ thuật, bếp cát	Phan Thị Thanh Thảo
151	Xác định ion sunfat	TCVN 6200 :1996 ; ASTM D516:02	Phễu lọc thủy tinh, bình thủy tinh có vòi, cân kỹ thuật, các dung dịch hóa học	
152	Xác định hàm lượng Natri và Kali	TCVN 6196-3 :2000 ; ISO9964-3 :1993	Phễu kế, quang kế, ống nghiệm, hoá chất, pipet...	Phan Thị Thanh Thảo
153	Xác định ion clorua	TCVN 6194 :1996	Buret dung tích 25ml, các dung dịch hóa học	
XVI	Thử nghiệm cơ lý của gỗ			

154	Xác định độ ẩm khi thử cơ lý	TCVN 8048-1:2009	Cân kỹ thuật, bình hút ẩm, thiết bị làm khô gỗ	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
155	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8048-2:2009	Thước đo, cân kỹ thuật, dụng cụ xác định độ ẩm	
XVII	Thử nghiệm công bê tông cốt thép			
156	Kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012	Thước căn lá, thước kẹp, kính lúp	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Văn Nam Lương Mạnh Cường Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
157	Kiểm tra độ thấm nước	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012	Tấm thép hoặc tấm tôn phẳng, đồng hồ bấm giờ, bay, dao thép, matit bitum	
158	Kiểm tra khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012	Hệ thống máy ép thủy lực, Thước căn lá, thước kẹp, kính lúp, đồng hồ bấm giờ	
XVIII	Thử nghiệm cơ lý gạch, ngói			
159	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Thước đo có độ chính xác tới 0.1mm (hoặc thước cặp, thước lá, thước thẳng)	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
160	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực, máy cưa cắt mẫu, thước đo, bay chèo	
161	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy nén thủy lực, máy cưa cắt mẫu, thước đo, bay chèo	
162	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
163	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thước đo	
164	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
165	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Thùng hoặc bể giữ ẩm có nắp đậy, thước đo	

166	Gạch bê tông tự chèn: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ chịu nén; độ mài mòn; độ hút nước	TCVN 6476:1999	Thước đo có độ chính xác tới 0.1mm, máy nén thủy lực, tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm, máy mài mòn, cát mài....	Trần Hải Đăng Hà Xuân Dương Nguyễn Văn Nam Phạm Thị Kim Quy Ngô Văn Hải...
167	Gạch bê tông: kích thước, cường độ chịu nén; độ hút nước, độ thấm nước; độ rỗng	TCVN 6477:2016	Thước đo, máy nén thủy lực, cân kỹ thuật, cát khô, thiết bị đo độ thấm nước, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...	
168	Gạch lát granito: Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn	TCVN 6074:1995	Thước đo, kính lúp, máy mài mòn, cân kỹ thuật, tủ sấy, thước cặp, cát mài...	
169	Gạch terazo: Hình dạng và kích thước, độ hút nước bề mặt, Độ bền uốn, độ mài mòn	TCVN 7744:2013	Thước đo, thước nivo, tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng chứa nước, máy nén thủy lực, bộ gói uốn, máy mài mòn, cát mài...	
170	Ngói đất sét nung và phụ kiện: Xác định Kích thước và khuyết tật ngoại quan, lực uốn gãy, độ hút nước và khối lượng 1m ² ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 4313:2023	Thước đo, thiết bị thử uốn, tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng ngâm mẫu	
171	Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước, khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:2017	Thước thẳng, thước ke vuông, thước nevo, máy nén thủy lực, cân kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy gia công mẫu	

DANH MỤC THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM CHÍNH VÀ THÍ NGHIỆM VIÊN

(Kèm theo công bố số 0405/CTY-1285 ngày 04/05/2026 của Công ty cổ phần 1285)

1. Danh mục thiết bị chính

STT	Tên thiết bị	Hãng/ nước sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
1.	Máy thử độ bền kéo nén	Trung Quốc	1112102	Đang còn hiệu lực	
2.	Máy thử độ bền kéo nén	Trung Quốc	18101	Đang còn hiệu lực	
3.	Máy thử độ bền kéo nén	Trung Quốc	095	Đang còn hiệu lực	
4.	Máy thử độ bền nén	Trung Quốc	2211527	Đang còn hiệu lực	
5.	Máy thử độ bền nén	Trung Quốc	002	Đang còn hiệu lực	
6.	Máy thử độ bền nén	Trung Quốc	028	Đang còn hiệu lực	
7.	Máy thử mài mòn Los Angeles	Việt Nam	1211008	Đang còn hiệu lực	
8.	Cung lực 30 kN (Máy nén marshall)	Trung Quốc	A8271	Đang còn hiệu lực	
9.	Cung lực 50 kN (Máy nén marshall)	Trung Quốc	K0285	Đang còn hiệu lực	
10.	Bộ đo và điều khiển nhiệt độ lò nung	Trung Quốc	31697	Đang còn hiệu lực	
11.	Lò nung	Trung Quốc	34419	Đang còn hiệu lực	
12.	Áp kế máy thử thấm bê tông	Trung Quốc	240113	Đang còn hiệu lực	
13.	Máy đo điện trở đất	Thái Lan	E8407957	Đang còn hiệu lực	
14.	Tủ dưỡng hộ xi măng	Trung Quốc	2506195	Đang còn hiệu lực	
15.	Máy dần tạo mẫu xi măng	Trung Quốc	ZS-15	Đang còn hiệu lực	
16.	Thiết bị thử hoá mềm nhựa đường	Trung Quốc	210806	Đang còn hiệu lực	
17.	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường	Trung Quốc	220809	Đang còn hiệu lực	
18.	Thiết bị đo độ kim lún nhựa đường	Trung Quốc	211219	Đang còn hiệu lực	
19.	Bộ thí nghiệm bốc cháy nhựa	Trung Quốc	0952	Đang còn hiệu lực	
20.	Thiết bị đo độ dẫn dài	Trung Quốc	220512	Đang còn hiệu lực	
21.	Máy trộn xi măng	Trung Quốc	5026	Đang còn hiệu lực	
22.	Búa thử bê tông	Trung Quốc	122	Đang còn hiệu lực	
23.	Máy ly tâm tách nhựa (máy chiết nhựa)	Trung Quốc	4019	Đang còn hiệu lực	
24.	Đồng hồ đo áp suất thiết bị đo chiều dày áo sét bentonite	Trung Quốc	742	Đang còn hiệu lực	
25.	Tủ sấy mẫu thí nghiệm	Trung Quốc	39603	Đang còn hiệu lực	

STT	Tên thiết bị	Hãng/ nước sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
26.	Tủ sấy mẫu thí nghiệm	Trung Quốc	23683	Đang còn hiệu lực	
27.	Vòng đo lực- máy cắt đất	Trung Quốc	A2908	Đang còn hiệu lực	
28.	Vòng đo lực- máy cắt đất	Trung Quốc	20251107	Đang còn hiệu lực	
29.	Máy nén tam liên	Trung Quốc	0853	Đang còn hiệu lực	
30.	Máy nén tam liên	Trung Quốc	0120	Đang còn hiệu lực	
31.	Máy nén tam liên	Trung Quốc	0224	Đang còn hiệu lực	
32.	Đồng hồ so	Trung Quốc	202797	Đang còn hiệu lực	
33.	Đồng hồ so	Trung Quốc	119522	Đang còn hiệu lực	
34.	Đồng hồ so	Trung Quốc	15754	Đang còn hiệu lực	
35.	Đồng hồ so	Trung Quốc	118949	Đang còn hiệu lực	
36.	Đồng hồ so	Trung Quốc	205978	Đang còn hiệu lực	
37.	Đồng hồ so	Trung Quốc	202786	Đang còn hiệu lực	
38.	Đồng hồ so	Trung Quốc	204687	Đang còn hiệu lực	
39.	Đồng hồ so	Trung Quốc	205000	Đang còn hiệu lực	
40.	Đồng hồ so	Trung Quốc	208631	Đang còn hiệu lực	
41.	Máy nén đất ba trục	Trung Quốc	240627	Đang còn hiệu lực	
42.	Cân điện tử hiển thị số	Ohaus	B350089728	Đang còn hiệu lực	
43.	Cân đĩa điện tử	Trung Quốc	07B7488	Đang còn hiệu lực	
44.	Cân đĩa điện tử	Ohaus	8032122209	Đang còn hiệu lực	
45.	Cân đĩa điện tử	Ohaus	8337500048	Đang còn hiệu lực	
46.	Cân đĩa điện tử	Ohaus	01285	Đang còn hiệu lực	
47.	Cân điện tử	Nhật Bản	3031901973	Đang còn hiệu lực	
48.	Cân điện tử	Đài Loan	VNS1425	Đang còn hiệu lực	
49.	Cân điện tử	Nhật Bản	4201521075	Đang còn hiệu lực	
50.	Thiết bị kiểm tra cọc động	Trung Quốc	MSA11030104	Đang còn hiệu lực	
51.	Thiết bị siêu âm CKN- Thử nghiệm cao áp	Trung Quốc	MSA10010063	Đang còn hiệu lực	
52.	Phương tiện đo lực (Bộ ép nén cọc)	Trung Quốc	240724673	Đang còn hiệu lực	
53.	Kích thủy lực	Trung Quốc	FCY-50100	Đang còn hiệu lực	
54.	Kích thủy lực	Trung Quốc	S314CM2	Đang còn hiệu lực	
55.	Kích thủy lực	Trung Quốc	24001	Đang còn hiệu lực	

STT	Tên thiết bị	Hãng/ nước sản xuất	Số seri/ ID thiết bị	Tình trạng hiệu chuẩn	Ghi chú
56.	Kích thủy lực	Trung Quốc	18688	Đang còn hiệu lực	
57.	Kích thủy lực	Trung Quốc	20101501	Đang còn hiệu lực	
58.	Kích thủy lực	Trung Quốc	01285	Đang còn hiệu lực	
59.	Kích thủy lực	Trung Quốc	1186	Đang còn hiệu lực	
60.	Kích thủy lực	Trung Quốc	180613	Đang còn hiệu lực	
61.	Kích thủy lực	Trung Quốc	180705	Đang còn hiệu lực	
62.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	23106196823	Đang còn hiệu lực	
63.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	23113013	Đang còn hiệu lực	
64.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	HC66510590060	Đang còn hiệu lực	
65.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	1703032623	Đang còn hiệu lực	
66.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	HC65561120480	Đang còn hiệu lực	
67.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	240724673	Đang còn hiệu lực	
68.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	01830145	Đang còn hiệu lực	
69.	Đồng hồ đo áp suất	Trung Quốc	221207658	Đang còn hiệu lực	
70.	Đồng hồ so	Trung Quốc	4A08437	Đang còn hiệu lực	
71.	Đồng hồ so	Trung Quốc	6A07751	Đang còn hiệu lực	
72.	Đồng hồ so	Trung Quốc	232457	Đang còn hiệu lực	
73.	Đồng hồ so	Trung Quốc	232356	Đang còn hiệu lực	
74.	Đồng hồ so	Trung Quốc	5502324	Đang còn hiệu lực	
75.	Đồng hồ so	Trung Quốc	5706506	Đang còn hiệu lực	
76.	Đồng hồ so	Trung Quốc	5403433	Đang còn hiệu lực	
77.	Đồng hồ so	Trung Quốc	5403400	Đang còn hiệu lực	
78.	Đồng hồ so	Trung Quốc	5403408	Đang còn hiệu lực	

2. Danh sách thí nghiệm viên

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
1.	Nguyễn Thị Dung	24/11/1988	+Bằng TN thạc sĩ kỹ thuật địa chất số A082316 + Bằng tốt nghiệp số 00341967 + CCQLPTN số 03.K82.23/QLPTN + CCHNHĐXD Số THB-00008458 + CCTN sức chịu tải của cọc số: 15036/2017/VKH-TNXD + Chứng chỉ thí nghiệm số: 03682-A01761B/VNĐ-TNV	Trưởng phòng thí nghiệm	Số: 23/2024/HĐLĐ-1285	
2.	Đinh Văn Trường	20/10/1983	+ Bằng nghề số 000767678/LĐTBXH-DN + CCQLPTN số 8759-A8773B/VNĐ-TNV	Phó phòng TN	Số: 11/2024/HĐLĐ-1285	
3.	Phạm Huy Huân	08/01/1986	+ Bằng tốt nghiệp số A324228 + CCQLPTN số 02.K82.23/QLPTN + CCHNHĐXD Số BXD-00048169 + CCTN sức chịu tải của cọc số: 15033/2017/VKH-TNXD	Phó phòng TN	Số: 304/2024/HĐLĐ-1285	
4.	Lê Tiến Bình	20/02/1982	+ Bằng nghề số: 000767650/LĐTBXH-DN + CCQLPTN số 04.K82.23/QLPTN + CCTN sức chịu tải của cọc số: 15039/2017/VKH-TNXD	Phó phòng TN	Số: 09/2024/HĐLĐ-1285	
5.	Nguyễn Văn Vương	28/05/1991	+ Bằng tốt nghiệp số 271222 + CCTN Địa kỹ thuật HT Số: 225/ĐCCT + CCTN sức chịu tải của cọc số: 03782-A01791B/VNĐ-TNV	Cán bộ kỹ thuật	Số: 09/2025/HĐLĐ-1285	
6.	Phạm Minh Triết	23/10/1994	+ Bằng tốt nghiệp số 503978 + CCTN Sức chịu tải của cọc số: 03787-A01751B/VNĐ-TNV	Cán bộ kỹ thuật	Số: 24/2024/HĐLĐ-1285	
7.	Trần Hải Đăng	10/03/1982	+ Bằng tốt nghiệp số 00426706 + CCQLPTN số 05.K82.23/QLPTN + CCTN Sức chịu tải của cọc số:	Cán bộ TN	Số: 13/2024/HĐLĐ-1285	

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
			15044/2017/VKH/TNXD			
8.	Phạm Thị Kim Quy	29/10/1982	+ Bằng tốt nghiệp số 055473 + Bằng nghề số: 000556376-LĐTBXH-DN + CCTN Sức chịu tải của cọc số: 15046/2017/VKH/TNXD	Cán bộ TN	Số: 10/2024/HĐLĐ-1285	
9.	Phạm Quang Sáng	05/06/1984	+ Bằng tốt nghiệp số 098458 + Bằng nghề số: 000767674-LĐTBXH-DN	Cán bộ TN	Số: 47/2024/HĐLĐ-1285	
10.	Hà Xuân Dương	27/03/1980	+ Bằng tốt nghiệp số 44-0605 + CCQLPTN Số: 06.K82.23/QLPTN + CCTN Số: 9510-A9281B/VNĐ-TNV + CCTN sức chịu tải của cọc số: 0032/240/QĐ-ĐHCNGTVT	Cán bộ TN	Số: 15/2024/HĐLĐ-1285	
11.	Lương Thanh Động	10/09/1993	+ Bằng tốt nghiệp số: 000120 + CCTNVLXD Số: 9505-A9277B/VNĐ-TNV + CCTN sức chịu tải của cọc số: 0031/240/QĐ-ĐHCNGTVT	Cán bộ TN	Số: 12/2024/HĐLĐ-1285	
12.	Ngô Văn Hải	28/11/1989	+ Bằng tốt nghiệp số 335247 + Bằng tốt nghiệp trung cấp nghề số: 00177/CĐGTVT-DN + CCQLPTN Số: 07.K82.23/QLPTN + CCTN sức chịu tải của cọc số: 0030/240/QĐ-ĐHCNGTVT	Cán bộ TN	Số: 14/2024/HĐLĐ-1285	
13.	Lương Mạnh Cường	08/05/1984	+ Bằng tốt nghiệp số 226469 + CC sơ cấp nghề số 1058 + CCQLPTN số: 04-31/BDKTNV + CC nghiệp vụ quản lý chất lượng PTN theo iso/iec 17025:2017 số IEMM0100.4A-ĐT + CCTN sức chịu tải của cọc số: 0029/240/QĐ-ĐHCNGTVT	Cán bộ TN	Số: 44/2024/HĐLĐ-1285	
14.	Trần Thị Thu	16/07/1989	+ Bằng tốt nghiệp số A433112/GD-ĐT	Cán bộ TN	Số: 34/2024/HĐLĐ-1285	

10/1 5 4 18

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/ Văn bằng chứng chỉ	Vị trí/ Chức vụ	Hợp đồng lao động	Ghi chú
			+ CCTN Số 8027/2010/VKH-TNXD + Bằng tốt nghiệp số: 387540 + CC sơ cấp nghề số: 1055 + CCTN kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc số: 14/05/2018/TNVL + CCQLPTN số: 1948-A0042B/VND-QL	Cán bộ TN	Số: 319/2024/HĐLD-1285	
16.	Trịnh Văn Hân	23/03/1993	+ Bằng tốt nghiệp số: 404754 + CCTN số 74/2017/TNVL + CCTN số 201708107/VKHCN + CCTN số 201810021/VKHCN + CCTN số 201705078/VKHCN + CCTN số 201807006/VKHCN	Cán bộ TN	Số: 03/2025/HĐLD-1285	
17.	Phan Thị Thanh Thảo	09/02/1992	+ Bằng tốt nghiệp số: CN2016/0258 + CCTN nước cho BT và vữa số 0006/10193/QĐ-ĐHCNGTVT	Cán bộ TN	Số: 04/2025/HĐLD-1285	
18.	Đinh Văn Thuận	16/09/1982	+ Bằng tốt nghiệp số 041756 + Chứng chỉ hành nghề KS địa hình hạng II số HAD-00075839	Cán bộ kỹ thuật	Số: 39/2024/HĐLD-1285	
19.	Nguyễn Thế Nam	04/09/1990	+ Bằng tốt nghiệp số KS2013/0663	Cán bộ TN	Số: 02/2025/HĐLD-1285	
20.	Nguyễn Thanh Sơn	11/06/1984	+ CC sơ cấp nghề số 1054 + CCTN về phương pháp xác định tính chất hoá học của vật liệu xây dựng số 25187-A25189B/VND-TNV	Cán bộ TN	Số: 07/2026/HĐLD-1285	

